

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2018/HS-ST  
Ngày: 21/3/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Trung Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Thanh Tùng – Thư ký

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

1. Bùi Thị Thu L; sinh năm: 1976; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; cư trú: 17/48 đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn U; và bà: Nguyễn Thị M; chồng Huỳnh Phước N; có 01 con (sinh năm 2001); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 29/10/2017. (Có mặt)

2. Nguyễn Thanh T1; sinh năm: 1995; hộ khẩu thường trú: Khóm T, phường x, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; cư trú: 17/48 đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành M; và bà: Đặng Thị Th; vợ Nguyễn Thị Ngọc T; có 01 con (sinh năm 2013); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 29/10/2017. (Có mặt)

3. Phan Thị K1; sinh năm: 1981; hộ khẩu thường trú: Khóm x, phường y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; cư trú: 17/48 đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn U; và bà: Đoàn Thị N; chồng: Quách Văn X; có 03 con (lớn nhất sinh năm

2004, nhỏ sinh năm 2010); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 29/10/2017. (Có mặt)

4. Trần Minh T2; sinh năm: 1988; hộ khẩu thường trú: ấp, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; cư trú: 17/48 đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T; và bà: Nguyễn Thị Kim H; vợ: Trần Thị Kiều Đ (đã ly hôn); có 01 con (sinh năm 2011); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 29/10/2017. (Có mặt)

5. Nguyễn Văn K2; sinh năm: 1992; hộ khẩu thường trú: Khóm T, phường x, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; cư trú: 17/48 đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K2; và bà: Trương Thị Tt; chưa có vợ con; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 29/10/2017. (Có mặt)

6. Nguyễn Thanh N; sinh năm: 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã A, huyện T. tỉnh An Giang; cư trú: 17/48 đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giữ trẻ; trình độ văn hoá (học vấn): 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q; và bà: Lê Thị K; chồng: Trương Văn D; có 02 con (sinh năm 1999, 2005); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày: 29/10/2017. (Có mặt)

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Anh Huỳnh Trí Đ, sinh năm 1971. (Vắng mặt)
2. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1965. (Vắng mặt)
3. Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 29/10/2017, Phan Thị K1 rủ Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Văn K2 và Nguyễn Thanh N là người ở cùng nhà trọ đến phòng trọ của Bùi Thị Thu L, địa chỉ: phòng trọ số 09 nhà trọ số 17/48, đường x, khu phố y, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh bài cào ăn tiền với nhau thì T1, K2, N đồng ý. Sau đó, T1 mua 01 bộ bài Tây (loại 52 lá) và cùng L, N, K1, K2 đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền với nhau tại phòng trọ của Bùi Thị Thu L.

Cách thức đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền như sau: Người làm cái dùng bộ bài tây 52 lá chia đều cho mỗi người 03 lá bài, rồi đối chiếu giữa bài của

người chơi và người làm cái để tính thắng thua, bài của người nào có điểm lớn hơn thì thắng. Cách tính điểm để phân bài lớn, nhỏ là: thứ tự bắt từ điểm 01 là lá bài: A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mỗi lá có số điểm tương ứng con số đó, mỗi lá bài: J, Q, K tính mười điểm. Điểm của người chơi trong mỗi ván là số lẻ của tổng điểm ba lá bài, 10 điểm thì được 0 điểm (thường được gọi là bù). Ai có số điểm cao nhất là thắng, còn bằng điểm thì không thắng không thua. Trường hợp là người nào có ba lá bài J, Q, K bất kỳ thì thắng ngay ván đó không cần tính điểm.

Khi đánh bài cào ăn tiền, L sử dụng số tiền 2.050.000 đồng, T1 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng, K1 sử dụng số tiền 580.000 đồng, K2 sử dụng số tiền 1.500.000 đồng, N sử dụng số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc; quy định mỗi người tham gia đánh bạc đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng mỗi ván; T1, K2, N thay phiên nhau làm cái mỗi lần 03 ván. Khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày Trần Minh T2 đến phòng trọ của L và sử dụng số tiền 950.000 đồng tham gia đánh bạc cùng L, T1, K1, K2, N.

Đến 23 giờ cùng ngày, khi L, T1, K1, Tân, K2, N đang đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau thì bị Công an quận Thủ Đức kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng gồm 01 bộ bài tây 52 lá và tổng số tiền thu giữ là 8.980.000 đồng (trong đó L 1.300.000 đồng, T1: 800.000 đồng, K1: 1.180.000 đồng, T2: 1.550.000 đồng, K2: 2.550.000 đồng (1.950.000 đồng dùng để đánh bạc, 600.000 đồng không dùng đánh bạc), N 1.600.000 đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

+ 01 bộ bài tây 52 lá;

+ 8.980.000 đồng (8.380.000 đồng dùng để đánh bạc, 600.000 đồng không dùng đánh bạc).

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

[2] Bản Cáo trạng số 48/2018/CT-VKS ngày 09/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N phạm tội “Đánh bạc”, áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, và các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo K1, L, T từ 09 tháng đến 12 tháng

tù, các bị cáo Tân, N, K2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù; vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N không tranh luận hoặc bào chữa gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo Bùi Thị Thu L biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thanh T1 biết lỗi, xin Tòa xử nhẹ để về với vợ con; bị cáo Phan Thị K1 đã ăn năn hối cải, xin được hình phạt nhẹ; bị cáo Trần Minh T2 biết lỗi, xin Tòa xử nhẹ để sớm về; bị cáo Nguyễn Văn K2 ăn năn, hối lỗi, xin xem xét giảm nhẹ; bị cáo Nguyễn Thanh N đã ăn năn hối cải, xin án nhẹ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định các bị cáo đã có hành vi hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền, với số tiền dùng để đánh bạc thu tại chiếu bạc và trong người các bị cáo dùng để đánh bạc, tổng cộng là 8.380.000 đồng Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận các bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N đã phạm “Tội đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì động cơ vụ lợi đã tham gia đánh bạc, sát phạt nhau được thua bằng tiền để tước đoạt tiền, tài sản của nhau, xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, Vì vậy cần xử lý bị cáo theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 với mức án nghiêm phù hợp với tính chất, hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[3] Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ 01 bộ bài tây 52 lá, 8.380.000 đồng là tiền, công cụ, phương tiện phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

+ 600.000 đồng thu giữ trong bóp của bị cáo K2, không dùng đánh bạc, cần trả lại cho bị cáo K2.

[5] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N phạm “Tội đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt:

1. Bị cáo Bùi Thị Thu L 04 (Bốn) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017. Bị cáo L đã chấp hành xong hình phạt tù.

2. Bị cáo Nguyễn Thanh T1 04 (Bốn) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017. Bị cáo T đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Bị cáo Phan Thị K1 04 (Bốn) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017. Bị cáo K1 đã chấp hành xong hình phạt tù.

4. Bị cáo Trần Minh T2 04 (Bốn) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017. Bị cáo T2 đã chấp hành xong hình phạt tù.

5. Bị cáo Nguyễn Văn K2 04 (Bốn) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017. Bị cáo K2 đã chấp hành xong hình phạt tù.

6. Bị cáo Nguyễn Thanh N 04 (Bốn) tháng 20 (Hai mươi) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2017. Bị cáo N đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tuyên trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 8.380.000 (Tám triệu ba trăm tám mươi ngàn) đồng.

+ Trả cho bị cáo Nguyễn Văn K2: 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây 52 lá.

(Tiền tại Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án hình sự quận Thủ Đức ngày 30/01/2018 tại Kho bạc Thủ Đức, vật chứng tại Phiếu nhập kho số 80 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức)

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, mỗi bị cáo Bùi Thị Thu L, Nguyễn Thanh T1, Phan Thị K1, Trần Minh T2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Thanh N phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tôn Trung Tuấn**